Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 102

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ NGỌC SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường liên xã	Ngã ba Chợ Ngọc Sơn	Hết địa phận xã Ngọc Sơn (tiếp giáp xã Quyết Thắng)	1.500	640	380	1.100	480	280	970	420	250
2		Ngã ba đi Bưng Ngựa	Sân thể thao xã (xóm Xê)	1.500	640	380	1.100	480	280	970	420	250
3		Sân thể thao xã (xóm Xê)	Ngã tư Khộp Đèn	1.200	870	670	890	650	490	800	650	490
4		Ngã tư Khộp Đèn	Hết ranh giới xã Ngọc Sơn (tiếp giáp xã Đại Đồng)	900	640	570	690	490	420	670	490	420
5		Ngã ba đi Bưng Ngựa	Trạm bảo vệ rừng (xóm Khú)	1.000	800	600	740	620	460	680	620	460
6		Trạm bảo vệ rừng (xóm Khú)	Hết ranh giới xã Ngọc Sơn (tiếp giáp xã Vân Sơn)	900	640	570	690	490	420	670	490	420
7		Ngã ba Xóm Hầu (nhà ông Bùi Văn Hùng) thửa đất số 26, tờ bản đồ số 153	Cống Làng Đồng, xóm Kháy Mòn	1.200	870	670	890	650	490	800	650	490
8		Cống Làng Đồng, xóm Kháy Mòn	Nhà ông Bùi Văn Long xóm Kháy Mòn	500	370	280	380	270	210	340	270	210
9		Nhà ông Bùi Văn Long xóm Kháy Mòn	Hết địa phận xã Ngọc Sơn (tiếp giáp xã Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hoá)	300	220	190	230	160	140	200	160	140
10		Ngã ba Mu Khướng (nhà ông Bùi Văn Ôn)	Ngầm xóm Sát	1.000	800	600	740	620	460	680	620	460
11		Ngầm xóm Sát	Hết địa phận xã Ngọc Sơn (tiếp giáp xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hoá)	350	200	140	180	150	130	170	160	140
12	Đường liên thôn xóm	Ngã ba Trường Dân tộc nội trú, THCS - THPT Ngọc Sơn	Trường Mầm non Ngọc Sơn	1.200	870	670	890	650	490	800	650	490
13		Ngã ba Xóm Cha (cạnh nhà ông Bùi Văn Năm)	Hết đất nhà ông Bùi Văn Nhanh Xóm Khú	400	280	160	250	200	150	220	180	160
14		Ngã ba Xóm Khú (đối diện trường mầm non cũ)	Ngã tư xóm Chiềng (nhà ông Bùi Văn Thạch)	350	200	140	180	150	130	170	160	140

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
15	Đường liên thôn xóm	Ngã tư xóm Chiềng (nhà ông Bùi Văn Thạch)	Ngã tư Khộp Đèn	400	280	160	250	200	150	220	180	160
16		Ngã ba Bưng Ngựa	Ngã ba xóm Cha (nhà ông Bùi Văn Khơn)	800	500	260	590	370	200	580	370	210
17		Ngã tư xóm Rộc, xóm Bói	Ngầm Cang	800	500	260	590	370	200	580	370	210
18		Ngầm Cang	Ngã ba xóm Rộc (nhà ông Bùi Văn Vị)	400	280	160	250	200	150	220	180	160
19		Ngã ba tiếp giáp đường đi Lạc Sơn (đất ông Bùi Văn Chanh)	Ngã ba xóm Bói (nhà ông Bùi Văn Phanh)	800	500	260	590	370	200	580	370	210
20		Ngã tư xóm Rộc, xóm Bói đi qua sân thể thao xóm Bói	Ngã ba nhà ông Bảy	800	500	260	590	370	200	580	370	210
21		Ngã tư xóm Hầu (nhà ông Han) đi qua xóm Đầm Băng	Ngã tư Khộp Đèn	600	400	300	450	300	200	400	300	200
22		Ngã ba nhà ông Âu	Bãi Mon	500	370	280	380	270	210	340	270	210
23		Ngã ba xóm Đầm Băng (nhà ông Tư) đi qua Đình Băng	Nhà ông Nô xóm Đầm Băng	500	370	280	380	270	210	340	270	210
24		Ngã ba xóm Khộp Đèn (nhà ông Nhiên)	Nhà ông Liện xóm Khộp Đèn	600	400	300	450	300	200	400	300	200
25		Ngã ba xóm Xê (nhà ông Bùi Văn Khuyến)	Ngã ba nhà văn hoá xóm Khộp Đèn	600	400	300	450	300	200	400	300	200
26		Ngã ba xóm Xê (đối diện sân thể thao)	Nhà ông Bùi Văn Dê xóm Đầm Băng	600	400	300	450	300	200	400	300	200
27		Ngã tư xóm Rộc, xóm Bói	Ngã ba xóm Hầu (nhà bà Bùi Thị Dên)	600	400	300	450	300	200	400	300	200
28	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			300			230			200		